

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

HUỲNH THANH MỘNG*

Giao hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (từ đây viết tắt là GHPGVNTN) ra đời sau Pháp nạn 1963 ở miền Nam Việt Nam và được chính quyền Sài Gòn công nhận. Đây là một thực thể tôn giáo ở miền Nam Việt Nam trong thời gian 1964 - 1975 và những năm sau đó. Khi nghiên cứu về GHPGVNTN, nhiều vấn đề còn chưa được thống nhất và chưa được lý giải thấu đáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời từ nguyên nhân nào? Ra đời trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh lại nằm trong khuôn khổ hoạt động hợp pháp của chế độ Việt Nam Cộng hòa, GHPGVNTN có chịu tác động hoặc bị chi phối bởi các thế lực đế quốc hay không? Nếu có thì biểu hiện về mặt tổ chức như thế nào? Đó là những câu hỏi đã thôi thúc nhiều học giả tiếp cận và nghiên cứu GHPGVNTN. Do GHPGVNTN còn rất nhiều nội dung nghiên cứu chưa thể tập trung làm rõ, nên bài viết này chỉ tập trung làm rõ hoàn cảnh ra đời của GHPGVNTN, đồng thời mô tả quá trình lịch sử về sự phân hóa, tổ chức của GHPGVNTN từ năm 1964 đến năm 1981, và làm rõ vị trí là tổ chức hợp thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ đó góp phần nhỏ vào việc lý giải một số câu hỏi được đặt ra ở trên.

1. Từ đấu tranh bảo vệ đạo pháp đến đoàn kết thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Sau năm 1954, giới tăng ni, Phật tử hai miền đất nước có điều kiện hội ngộ và trao đổi những vấn đề về hoàng pháp và “nhập thế” của Phật giáo trong giai đoạn mới. Đầu tháng 4-1956, Đại hội kỳ II Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1) được tổ chức tại chùa Phước Hòa, Sài Gòn. Đại hội đã bầu nhân sự chủ chốt trong Tổng hội Phật giáo Việt Nam (trong đó Hòa thượng Thích Tịnh Khiết được suy tôn làm Hội chủ) và quyết định đặt trụ sở Tổng hội tại chùa Ấn Quang. Đại hội còn xác định một số công việc cần làm ngay của Phật giáo Việt Nam, trong đó có hai nội dung: “Can thiệp với chính quyền để tái công nhận ngày Phật giáng sinh (mùng 8 tháng 4) như một ngày lễ chính thức, công chức được nghỉ lễ” (2) và “Tìm phương tiện để thống nhất ý chí và hành động của toàn thể Phật giáo đồ trong nước” (3). Tuy nhiên, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, đàn áp các phong trào đấu tranh đòi hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước, làm cho đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn còn thi hành chính sách kỳ thị tôn

*Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật

giáo, chèn ép Phật giáo, ưu ái và đưa Thiên Chúa giáo lên địa vị độc tôn trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân miền Nam Việt Nam, đã gây ra sự cản trở những sinh hoạt tôn giáo chính đáng của tăng ni, Phật tử miền Nam, đồng thời cài các gián điệp, mật vụ vào bên trong các tổ chức Phật giáo nhằm nắm giữ, khống chế hoặc gây cản trở các hoạt động yêu nước của tăng ni, Phật tử. Phật giáo Việt Nam không thể thống nhất hành động với một tổ chức giáo hội thống nhất bởi chính sách tôn giáo và sự cản trở thống nhất đất nước của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đến năm 1959, khi cuộc đấu tranh đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Giơnevơ đã không còn đạt được kết quả, thì các tăng ni, Phật tử miền Bắc Việt Nam mới tổ chức thành lập Hội Phật giáo Thống nhất. Còn ở miền Nam, các tăng ni, Phật tử đấu tranh đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn chấm dứt chính sách kỳ thị tôn giáo, ngừng các hoạt động bắt bớ, khủng bố Phật tử, thực hiện chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng đối với mọi người dân. Mặc dù các tăng ni, Phật tử đã có nhiều hoạt động tích cực, nhưng dưới chế độ “gia đình trị” Ngô Đình Diệm, các sinh hoạt tôn giáo chính đáng của tăng ni, Phật tử luôn gặp những khó khăn, trở ngại. Từ năm 1962, khi thực hiện quốc sách “ấp chiến lược” nhằm gom dân vào các khu tập trung, thì chính quyền Sài Gòn đã phá các chùa mà không được xây dựng lại trong “ấp chiến lược”; đối với Thiên Chúa giáo, thì họ lại ưu tiên xây dựng các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Chính quyền Sài Gòn còn tổ chức bắt bớ, giam cầm những thành viên trong Ban Trị sự Phật giáo và tín đồ Phật tử với cáo buộc “liên can đến cộng sản” để ép tội và buộc tín đồ Phật tử di dân đến “ấp chiến lược”, cấm Phật tử không được đi lễ chùa.

Ngày 6-5-1963, Ngô Đình Diệm ra lệnh cho các tỉnh miền Nam triệt hạ cờ Phật giáo trong dịp Lễ Phật đản. Ngày 7-5-1963, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam là Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã cùng các Hòa thượng Thích Mật Nguyên, Thích Trí Quang, Thích Mật Hiển, Thích Thiện Siêu đến gặp chính quyền ở Huế và đánh điện phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm về công hàm cấm treo cờ Phật giáo, nhưng không đạt được kết quả. Ở Huế, mặc dù chính quyền địa phương có sự nhượng bộ với các tăng ni, Phật tử, đã chấp nhận cho treo cờ Phật giáo, nhưng lại không đáp ứng phát thanh chương trình đặc biệt về Lễ Phật đản. Trước thái độ kỳ thị Phật giáo của chính quyền Sài Gòn ở Huế, làn sóng phản nộ của đồng bào Phật tử dâng cao và phát triển thành cuộc biểu tình đòi bình đẳng tôn giáo và phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, cuộc biểu tình nhanh chóng bị chính quyền Sài Gòn đàn áp và dập tắt. Cuộc biểu tình của tăng ni, Phật tử đòi bình đẳng tôn giáo ở Huế đã tạo ra *hiệu ứng*, cổ vũ và động viên tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam đứng lên đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo, đấu tranh phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Sài Gòn. Sau đó, ngày 9-5-1963, Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi đến các tăng ni và toàn thể đồng bào Phật tử “một tâm thư kêu gọi sự bình tĩnh sáng suốt và chuẩn bị cho cuộc tranh đấu vì chính nghĩa” (4). Ngày 10-5-1963, các cấp lãnh đạo Phật giáo ở miền Nam với đủ các tổ chức, hệ phái đã tổ chức cuộc họp tại chùa Từ Đàm (Huế) thống nhất chủ trương bảo vệ đạo pháp và ra bản Tuyên ngôn yêu cầu chính quyền Sài Gòn thực hiện 5 nội dung bình đẳng, tự do tôn giáo, trong đó có Phật giáo phải hưởng được chế độ như Thiên Chúa giáo được thể hiện trong Dự số 10 về Hiệp

hội của Chính quyền Sài Gòn, chấm dứt tình trạng đàn áp, khủng bố tăng ni, Phật tử và cho phép tăng ni, Phật tử tự do truyền đạo và hành đạo của Phật giáo. Tuy nhiên, một lần nữa phía chính quyền Sài Gòn không đáp ứng những yêu cầu chính đáng của giới tăng ni, Phật tử và đưa ra một lý do “không ăn khớp” và “đánh lái” qua một vấn đề khác là “muốn cho Quốc kỳ được tôn trọng” (5).

Từ cuộc đấu tranh chính trị đòi bình đẳng tôn giáo, giới tăng ni, Phật tử trên toàn miền Nam Việt Nam dần thống nhất được tiếng nói chung trong cuộc đấu tranh vì đạo pháp. Yêu cầu đoàn kết các tổ chức, hệ phái Phật giáo từ đó được định hình và ngày càng phát triển, và dần xuất hiện cuộc vận động thành lập tổ chức Phật giáo thống nhất, đoàn kết các tổ chức giáo phái, hội đoàn ở miền Nam Việt Nam bảo vệ đạo Phật và đấu tranh cho sự nghiệp hòa bình, thống nhất và hòa giải dân tộc ở miền Nam Việt Nam. Theo quan sát của Linh mục Trần Tam Tỉnh, thì qua thực tiễn đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách bình đẳng tôn giáo và chấm dứt kỳ thị tôn giáo, “Bà con Phật tử ngày càng ý thức được hơn rằng, muốn chống lại sự độc tài của Diệm, muốn cân bằng lực lượng của Công giáo, thì phải hiệp nhau lại trong Giáo hội Phật giáo” (6).

Tuy nhiên, do chính sách kỳ thị và chèn ép Phật giáo của chế độ Ngô Đình Diệm, nên các tăng ni, Phật tử chưa có điều kiện pháp lý vững chắc để thành lập một tổ chức giáo hội thống nhất ở miền Nam Việt Nam. Khi chính quyền Sài Gòn thực hiện lệnh cấm treo cờ Phật giáo trong Lễ Phật đản năm 1963, bắt bớ và khủng bố Phật tử ở Huế, thì làn sóng đấu tranh bảo vệ đạo pháp và đạo Phật của tăng ni, Phật tử ngày càng dâng cao. Tranh thủ hoàn cảnh này, ngày 25-5-1963, các tổ chức giáo phái, hội

đoàn Phật giáo thành lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo bao gồm nhiều giáo phái và hội đoàn Phật giáo (7). Sự ra đời của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo là kết quả bước đầu của cuộc vận động thống nhất Phật giáo ở miền Nam Việt Nam và tạo tiền đề cho sự ra đời một giáo hội thống nhất ở miền Nam Việt Nam vào đầu năm 1964. Cũng trong ngày 25-5-1963, một số tổ chức Phật giáo là thành viên chủ chốt của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo đã ra Bản Tuyên ngôn ủng hộ năm nguyện vọng tối thiểu được nêu rõ trong “Tuyên ngôn của tăng ni, tín đồ Phật giáo Việt Nam” ở Huế ngày 10-5-1963, và “thề đoàn kết đến cùng trong công cuộc tranh đấu “bất bạo động và hợp pháp” để thực hiện những nguyện vọng ấy” (8). Cuộc đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo và phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của tăng ni, Phật tử phát triển đến cao trào, khi trụ trì chùa Quan Thế Âm (Gia Định) là Hòa thượng Thích Quảng Đức phát nguyện tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng ngày 11-6-1963. Hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức đã trở thành “tâm điểm cho sự phẫn nộ của quần chúng đối với chế độ Ngô Đình Diệm”, “tạo ra một nhận thức và khơi dậy một gốc rễ tâm lý tin tưởng sâu sắc trong người Phật tử Việt Nam” (9). Đối với dư luận Mỹ và châu Âu, đây là “một hành động đức tin cực kỳ kỳ lạ” và cảm thấy “rùng mình trước những bức ảnh chụp ngọn lửa cháy bằng xương thiêu rụi nhà sư” (10). Sau sự kiện ngày 11-6-1963, cộng đồng quốc tế, nhất là các tổ chức Phật giáo các nước lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Sài Gòn đối với Phật giáo. Tuy nhiên, chế độ Ngô Đình Diệm, mà một trong những đại diện quan trọng là bà Trần Lệ Xuân (vợ ông Cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu) lại cho rằng, vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức như là

“nướng quay sư” (*Buddhist barbecue*) (11) và tiếp tục thực hiện các chính sách kỳ thị Phật giáo, càng làm cho làn sóng phản đối chính quyền Sài Gòn ngày càng phát triển gay gắt ở trong nước và trên các diễn đàn quốc tế. Có lẽ đây là nguyên nhân dẫn đến cuộc đảo chính ngày 11-11-1963 của các tướng lĩnh chính quyền Sài Gòn do Mỹ đứng sau để lật đổ chế độ “gia đình trị” Ngô Đình Diệm. Khi viết về nguyên nhân dẫn đến quyết định “thay ngựa” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam năm 1963, nhân viên CIA của Mỹ là William Colby đã nhận xét: “Điều đã làm không kém bất cứ điều gì dẫn đến việc lật đổ Ngô Đình Diệm là bức ảnh nhà sư tự thiêu” (12).

Sau khi chế độ “gia đình trị” Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Hội đồng Quân nhân Cách mạng do Dương Văn Minh làm Chủ tịch, lên nắm quyền quản lý chính quyền Sài Gòn đọc tuyên cáo và các quyết nghị tạm ngưng áp dụng Hiến pháp ngày 26-10-1956. Dương Văn Minh vốn là một tín đồ Phật tử “chịu ảnh hưởng của Phật giáo, không thích giết chóc” (13). Do đó, cuộc vận động thành lập tổ chức Phật giáo thống nhất ở miền Nam Việt Nam không còn những trở lực về pháp lý như trong giai đoạn Ngô Đình Diệm làm Tổng thống chính quyền Sài Gòn. Hoàn cảnh đó đã trở thành điều kiện “đủ” cho việc thành lập GHPGVNTN vào năm 1964.

Cuối tháng 12-1963 đến đầu tháng 1-1964, các đoàn thể Phật giáo đã tổ chức Đại hội Phật giáo miền Nam Việt Nam tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn). Đại hội đã thống nhất 11 tổ chức, pháp phái Phật giáo vốn là thành viên của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo (14) và thành lập một giáo hội Phật giáo duy nhất lấy tên là GHPGVNTN. Nhằm cụ thể ý chí thống nhất của Phật giáo bằng những quy định, quy chế rõ ràng, nên Đại hội đã thảo luận và đến ngày 4-1-

1964 công bố bản Hiến chương GHPGVNTN, và theo Hiến chương, cơ quan Trung ương của Giáo hội có hai viện là Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo. Đại hội đã suy tôn Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tăng thống lãnh đạo Viện Tăng thống và bầu Hòa thượng Thích Tâm Châu làm Viện trưởng Viện Hóa đạo. Chùa Ấn Quang (Sài Gòn) được chọn là trụ sở sinh hoạt của Giáo hội.

Sự ra đời của GHPGVNTN đã đánh dấu bước phát triển về tổ chức của Phật giáo miền Nam Việt Nam, tạo điều kiện cho giáo hội thực hiện hoạt động hồng pháp và “nhập thế” đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo. Mặc dù sự ra đời của GHPGVNTN vào năm 1964 phản ánh sự chia cắt hai miền đất nước do Mỹ và chính quyền Sài Gòn gây ra, nhưng đây là sự kiện đánh dấu sự thống nhất của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, đoàn kết các tổ chức, hệ phái vốn “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” từ phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Nếu Tổng hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức thể hiện ý chí thống nhất đầu tiên của Phật giáo Việt Nam, nhưng chỉ giới hạn trong Phật giáo Bắc tông, thì GHPGVNTN là tổ chức đầu tiên thể hiện sự thống nhất và hòa hợp giữa Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nam tông (mặc dù chỉ giới hạn ở miền Nam Việt Nam). Đây là hạn chế do chiến tranh dẫn đến những ý chí thống nhất Phật giáo ở Việt Nam không được trọn vẹn. Đây cũng là cơ sở sau năm 1975, khi đất nước hòa bình và thống nhất, đã thôi thúc các tăng ni, Phật tử Việt Nam vận động thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất trên cả nước, hòa hợp và đoàn kết cả Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nam tông, và với sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào tháng 11 - 1981

thì sự thống nhất Phật giáo Việt Nam được trọn vẹn hơn bao giờ hết.

2. Tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

2.1. Sự phân hóa từ năm 1964 đến năm 1975

Theo Hiến chương năm 1964, cơ quan Trung ương của GHPGVNTN gồm Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo. Trong đó, Viện Tăng thống là cơ quan xây dựng chính sách, đường hướng phát triển tổ chức, có nhiệm vụ chuyên trách về sinh hoạt giới luật cho tăng, ni, phê chuẩn và ban hành các quy chế về tăng, ni, và là hội đồng cố vấn về đạo pháp của Viện Hóa đạo; đặc biệt, Đức Tăng thống có quyền tấn phong Viện Hóa đạo. Còn Viện Hóa đạo là cơ quan dưới Viện Tăng thống, chấp hành những chủ trương của Viện Tăng thống, có vai trò lãnh đạo và điều hành các ngành hoạt động của Giáo hội. Đến tháng 12-1965, GHPGVNTN ban hành Hiến chương tu chỉnh, với những điều khoản quy định quyền hạn rộng rãi cho Viện Tăng thống, cơ quan tối cao của Giáo hội. Mặc dù mới thành lập, nhưng GHPGVNTN đã bộc lộ nhiều hạn chế và nhanh chóng bị phân hóa thành nhiều phe phái, hội đoàn, và thậm chí có một số hệ phái rời khỏi tổ chức.

Sự phân hóa thứ nhất

GHPGVNTN ra đời trên cơ sở đáp ứng yêu cầu đoàn kết để đấu tranh đòi tự do và bình đẳng tôn giáo trước sự đàn áp của chính quyền Sài Gòn, do sự thúc bách của lịch sử, mà không phải là kết quả của sự “chín muồi” ý chí đoàn kết Phật giáo của tất cả các tổ chức, nên giáo hội Phật giáo chưa đạt được mong muốn của tất cả. Do đó, khi đạt được những thỏa hiệp nhất định với chính quyền Sài Gòn, thì ý chí đoàn kết Phật giáo chưa hài hòa với những lợi ích riêng của mỗi tổ chức, giáo phái Phật giáo miền Nam Việt Nam, nên sự tồn tại của

GHPGVNTN với một hiến chương hướng đến lợi ích chung của Phật giáo miền Nam Việt Nam, trong một chừng mực nào đó, đã phương hại đến lợi ích riêng của các tổ chức, giáo phái, hội đoàn Phật giáo. Theo kết quả nghiên cứu của Bùi Chí Huân, “tổ chức Giáo hội Phật giáo ra đời chưa hẳn đã đáp ứng với nhu cầu tín đồ. Vì những bất công tôn giáo, tín đồ đạo Phật có thể đoàn kết lại đấu tranh cho sự tự do và bình đẳng tôn giáo. Nhưng sự đoàn kết đó chưa hẳn là thể hiện một khối thống nhất một tổ chức giáo hội. Đoàn kết để đấu tranh chứ không đoàn kết để thành lập giáo hội” (15). Chính vì vậy, sự ra đời của GHPGVNTN không mang tính bền vững và chứa đựng những yếu tố rạn nứt ngay từ khi thành lập.

Hiến chương GHPGVNTN “chủ trương xóa bỏ các giáo phái, hội đoàn, mà chỉ cần giám hộ các chùa, thu nạp tăng ni, Phật tử vào trong khuôn khổ giáo hội của mình và đặt dưới sự điều hành của Viện Hóa đạo” (16). Một số lãnh đạo các giáo phái, hội đoàn không chịu xóa bỏ tổ chức và chỉ trích “thống nhất” của GHPGVNTN và cho chủ trương đó là “thống nhất”. Phản đối chủ trương trên, Hòa thượng Giới Nghiêm là Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam đã không tham gia GHPGVNTN (17). Hòa thượng Thích Minh Trực từ chối gia nhập GHPGVNTN và vẫn nắm giữ quyền lãnh đạo Giáo hội Thiên tịnh Đạo tràng. Ngày 4-3-1964, Hội Phật học Nam Việt đã tổ chức Đại hội bất thường gồm 21 đại biểu Tỉnh hội để tổ thái độ về vấn đề “thống nhất”. Cư sĩ Mai Thọ Truyền có những bất đồng ý kiến về mặt tổ chức, từ nhiệm Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo và quay về hoạt động cho Hội Phật học Nam Việt với cương vị Hội trưởng (18). Tháng 12 - 1964, các tổ chức giáo phái, hội đoàn Phật giáo đứng ngoài GHPGVNTN cùng với một số tổ chức khác đã tập hợp thành lập Tổng

hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Minh Trực làm Pháp chủ.

Sự phân hóa thứ hai

Do GHPGVNTN “không thống nhất xung quanh vấn đề hợp tác hay không hợp tác với chế độ Mỹ - Sài Gòn, hợp tác công khai hay hợp tác dưới chiêu bài dân tộc, cho nên Tổng hội hay một bộ phận trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã huy động Phật tử vào những cuộc đấu tranh không còn ở phạm vi tín ngưỡng” (19). Thêm vào đó, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn cài cắm nhiều tay sai, gián điệp vào GHPGVNTN nhằm gây chia rẽ tổ chức, đưa ra và tập hợp những bất đồng về cách thức “nhập thế” của Phật giáo, từ đó nhằm kìm hãm phong trào đấu tranh vì đạo pháp và dân tộc của giới tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam. Vì thế, một số phái trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức hợp tác với chính quyền Sài Gòn và thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo. Ngày 2-3-1964, GHPGVNTN ra Quyết định thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo tạm thời thuộc Viện Hóa đạo. Đến ngày 15-7-1964, Viện Hóa đạo đề nghị và được Tổng trưởng Quốc phòng chấp nhận cử Hòa thượng Thích Tâm Giác giữ chức Giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo, Hòa thượng Thích Hộ Giác giữ chức Phó Giám đốc. Nha Tuyên úy Phật giáo sẽ trực thuộc Viện Hóa đạo và chịu trách nhiệm với Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa. Các Tuyên úy Phật giáo do Viện Hóa đạo chỉ định và được Tổng trưởng Quốc phòng ban hành nghị định bổ dụng. Ngày 6-8-1964, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 224 - QP thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo và Nghị định số 1437/QP/NĐ ấn định mục đích và điều hành Nha Tuyên úy Phật giáo (20). Bên cạnh đó, một số hệ phái bất đồng chính kiến với chính quyền Sài Gòn, theo Hiến chương GHPGVNTN năm 1964, nhiều tổ

chức “Sinh viên Phật tử”, “Học sinh Phật tử”, “Thanh niên Phật tử”, “Gia đình Phật tử” được thành lập, trong đó tổ chức “Gia đình Phật tử”, vào năm 1964, đã tập hợp được khoảng 400.000 người (21). Năm 1965, GHPGVNTN đấu tranh quyết liệt với chính phủ Trần Văn Hương trong khi cư sĩ Mai Thọ Truyền nằm trong Chính phủ và Ban Lãnh đạo Lâm thời Quốc gia và Quân lực, nên Hội Phật giáo Nam Việt đã rút khỏi Giáo hội (22).

Tháng 6-1965, “Nội các chiến tranh” của Nguyễn Cao Kỳ được thành lập, và sau đó, được sự ủng hộ của đế quốc Mỹ, đã thực hiện loại trừ ảnh hưởng của Phật giáo trong chính quyền và quân đội Sài Gòn, với sự kiện mở đầu công khai là cách chức Tư lệnh Quân đoàn I của tướng Nguyễn Chánh Thi, một người được giới tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam ủng hộ và có thiện cảm, với một lý do không chính đáng. Điều đó đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống chính phủ Nguyễn Cao Kỳ, đòi thực hiện hòa bình, trung lập, thành lập chính quyền dân sự, đảm bảo bình đẳng và tự do tôn giáo. Khi cuộc tranh đấu giữa chính phủ Nguyễn Cao Kỳ và Phật giáo đến giai đoạn căng thẳng tột độ, với các cuộc bạo động như đốt tòa Báo *Sóng* (tờ báo thân chính quyền Sài Gòn), đốt xe Mỹ, phá nhà của ngoại kiều,... Hòa thượng Thích Tâm Châu đã kêu gọi Phật tử chấm dứt những hành động bạo lực, hãy đấu tranh ôn hòa và chờ chính quyền giải quyết. Trong khi đó, Hòa thượng Thích Trí Quang ra miền Trung nơi mà ông có ảnh hưởng và uy tín cao kêu gọi Phật tử tiếp tục đấu tranh bạo động như đưa bàn thờ Phật xuống đường (23). Chính vì thế, phong trào đấu tranh Phật giáo ở miền Trung vào năm 1966 bị chia rẽ nghiêm trọng, làm khoét sâu thêm những rạn nứt của tổ chức, dẫn đến sự tồn tại của hai phái: GHPGVNTN phái Việt Nam Quốc tự (gọi tắt là phái Việt

Nam Quốc tự) và GHPGVNTN phái Ấn Quang (gọi tắt là phái Ấn Quang).

Phái Việt Nam Quốc tự

Tháng 10-1966, Hội đồng GHPGVNTN tổ chức xét việc bầu lại Viện Hóa đạo. Phái Vĩnh Nghiêm ủng hộ Hòa thượng Thích Tâm Châu, còn phái Phật giáo Nam Tông cho rằng không cần bầu lại. Mâu thuẫn dẫn đến xung đột kịch liệt làm cho Hội đồng dời về chùa Ấn Quang. Kết quả là Hòa thượng Thích Thiện Hoa thuộc Phật giáo Tăng già Nam Việt được bầu làm Viện trưởng Viện Hóa đạo; Hòa thượng Thích Trí Quang từ chức Tổng Thư ký Viện Tăng thống (24). Không chấp hành quyết định của Hội đồng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hòa thượng Thích Tâm Châu đã tuyên bố vẫn giữ chức Viện trưởng Viện Hóa đạo. Miền Vĩnh Nghiêm và Phật giáo Nam Tông Khmer ra thông báo ủng hộ Hòa thượng Thích Tâm Châu. Do đó, Viện Hóa đạo mới mà Hòa thượng Thích Thiện Hoa làm Viện trưởng đã tạm thời sinh hoạt tại chùa Ấn Quang. Trước tình hình đó, tăng thống Thích Tịnh Khiết đã ra lệnh triệu tập Đại hội Phật giáo để giải quyết vấn đề hai Viện Hóa đạo song song tồn tại, tuy nhiên không đạt được kết quả.

Ngày 24-12-1966, Hòa thượng Thích Tâm Châu thuyết pháp đề nghị sửa Hiến chương năm 1964 (tu chỉnh năm 1966) và công nhận Viện Hóa đạo tại Việt Nam Quốc tự. Bởi lẽ, theo Hiến chương Giáo hội, quyền hành của Viện Hóa đạo không được rộng rãi, chỉ là cơ quan thừa lệnh của Viện Tăng thống. Đặc biệt là trong vấn đề đại hội của Giáo hội Phật giáo Thống nhất để định ra chính sách, đường lối của Phật giáo, thành phần tham dự đại hội và có quyền biểu quyết những đại biểu địa phương mà hầu hết là những người Thích Tâm Châu không có ảnh hưởng. Tuy nhiên,

đề nghị của Hòa thượng Thích Tâm Châu không được chấp nhận, bởi tư tưởng đấu tranh ôn hòa và thái độ thân chính quyền Sài Gòn của Hòa thượng trái với nguyện vọng của giới tăng ni, Phật tử yêu nước ở miền Nam Việt Nam.

Để có quyền hành rộng rãi và nhất là để ấn định lại thành phần tham dự đại hội, ngày 14-3-1967, Hòa thượng Thích Tâm Châu cùng đại diện của 5 giáo phái, hội đoàn Phật giáo khác (25) đã soạn thảo và thông qua Hiến chương GHPGVNTN, trong đó quy định trụ sở của tổ chức là Việt Nam Quốc tự (26). Vì vậy, dư luận thường gọi tổ chức Phật giáo do Hòa thượng Thích Tâm Châu lập ra với Hiến chương năm 1967 là GHPGVNTN phái Việt Nam Quốc tự. Nhờ chủ trương đấu tranh ôn hòa với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ, nên Hiến chương năm 1967 của phái Việt Nam Quốc tự được chính quyền phê chuẩn, với Sắc lệnh số 23/67 ngày 18-7-1967 của Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia Nguyễn Văn Thiệu, từ đó chính thức xác lập thực thể về pháp lý của tổ chức Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, làm cho Phật giáo ở miền Nam Việt Nam tiếp tục bị phân hóa sâu sắc. Khi mới xác lập phái Việt Nam Quốc tự, Viện trưởng Viện Hóa đạo là Hòa thượng Thích Tâm Châu. Đến ngày 12-8-1967, Hòa thượng Thích Tâm Châu từ chức Viện trưởng Viện Hóa đạo, Hòa thượng Thích Thiện Tường lên thay; Lục cả Lâm Em thuộc hệ phái Phật giáo Theravada, được suy tôn làm Tăng thống phái Việt Nam Quốc tự (27). Chức vụ Viện trưởng Viện Hóa đạo phái Việt Nam Quốc tự trong một thời gian đã liên tiếp thay đổi, từ Hòa thượng Thích Thiện Trường, rồi Hòa thượng Thích Minh Thành và đến Hòa thượng Thích Tâm Giác mới ổn định (28).

Trước sự phản đối và đấu tranh quyết liệt của giới tăng ni, Phật tử về bản Hiến chương mới năm 1967, đến tháng 10-1967, Hòa thượng Thích Tâm Châu và Viện Hóa đạo phái Việt Nam Quốc tự thông báo không thi hành Hiến chương mới và tái thực hiện bản Hiến chương năm 1964. Tháng 5-1970, theo sự bàn giao giấy tờ của Viện trưởng Viện Hóa đạo phái Việt Nam Quốc tự là Hòa thượng Thích Minh Thành, phái Ấn Quang đã quyết định trở về Việt Nam Quốc tự, tuy nhiên bị lực lượng phái Việt Nam Quốc tự do Hòa thượng Thích Tâm Châu, Thích Tâm Giác, Thích Đức Nghiệp đứng đầu ngăn cản, dưới sự hỗ trợ của chính quyền, gây nên vụ thảm sát tại Việt Nam Quốc tự (29). Từ sau sự kiện này, Thích Tâm Giác là Giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo, được phái Việt Nam Quốc tự bầu giữ chức Viện trưởng Viện Hóa đạo. Vụ thảm sát tại chùa Việt Nam Quốc tự đã thể hiện nhóm Thích Tâm Châu dùng thủ đoạn thâm độc của các thế lực đế quốc đàn áp, chia rẽ nội bộ Phật giáo dẫn đến những hành động đau thương, trái với tôn chỉ từ bi của đạo Phật và đường lối ôn hòa dân tộc mà phái Việt Nam Quốc tự đang đấu tranh thực thi. Chính vì vậy, phái Việt Nam Quốc tự nhanh chóng mất chỗ đứng và bị đào thải ra khỏi cuộc đấu tranh vì đạo Pháp và dân tộc của Phật giáo. Theo tài liệu đánh giá của Trung ương Cục miền Nam, thì “Việt Nam Quốc tự của Thích Tâm Châu hoàn toàn mất tác dụng, nhất là sau vụ thảm sát ở Việt Nam Quốc tự do chúng gây ra để chiếm lại chùa và trại cô nhi Quách Thị Trang” (30).

Phái Ấn Quang

Từ tháng 10-1966, phái Ấn Quang hoạt động dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Tăng thống Thích Tịnh Khiết và Viện trưởng Viện Hóa đạo là Hòa thượng Thích Thiện Hoa. Phái Ấn Quang là phần còn lại

của GHPGVNTN sau những đợt ly khai diễn ra từ năm 1964 đến năm 1966, và đến năm 1966 có 4 hệ phái, hội đoàn (Giáo hội Nguyên thủy Việt Nam, Hội Phật giáo Trung phần, Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo hội Tăng già Trung phần). Nếu các tổ chức, hội đoàn tách rời ra khỏi GHPGVNTN luôn có một khuynh hướng tôn giáo - chính trị thống nhất, thì phái Ấn Quang chứa đựng nhiều khuynh hướng tôn giáo - chính trị khác nhau, thậm chí đối lập với nhau, nhưng chưa đến mức độ phân ly tổ chức, trong đó có ba khuynh hướng chính sau:

Khuynh hướng dân tộc, từ năm 1966, nhóm Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Thích Pháp Lan có uy tín lớn với tăng ni, Phật tử ở miền Trung, xong bị chèn ép trong Hội đồng phái Ấn Quang, nhất là sau ngày Hòa thượng Thích Pháp Lan từ chức Vụ trưởng các hội đoàn chuyên nghiệp. Tuy Hòa thượng Thích Thiện Hoa vẫn giữ được lập trường dân tộc, nhận biết và có thái độ vạch trần âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, nhưng chưa hình thành được một lực lượng tiến bộ trên dưới cho vững chắc để đủ sức chi phối hoàn toàn phái Ấn Quang theo đường lối đúng đắn. Vì vậy, nhóm Hòa thượng Thích Thiện Hoa có lúc bị cô lập trong phái Ấn Quang, từng lúc không dám mạnh dạn đề đưa phong trào lên đấu tranh cho những nguyện vọng bức thiết nhất của tăng ni, Phật tử.

Từ những năm 1969 - 1970, những hoạt động sôi nổi cho hòa bình, dân chủ và đạo pháp của phái Ấn Quang đã giúp cho nhóm Hòa thượng Thích Thiện Hoa trở thành một lực lượng đối lập đáng kể đối với chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Hòa thượng Thích Thiện Hoa cùng các Hòa thượng Thích Liễu Minh, Thích Pháp Lan đã “mạnh dạn đứng ra chèo lái phong trào Phật giáo của Ấn Quang đi đúng hướng

hơn, nhất là từ sau vụ thảm sát ở Việt Nam Quốc tự có vẻ lẫn được nhóm Thích Trí Quang, trong các cuộc phát động tăng ni, Phật tử xuống đường đấu tranh, biểu dương lực lượng với những khẩu hiệu mạnh. Ba mục tiêu đấu tranh rõ ràng hơn là hòa bình, đời sống quần chúng và đạo pháp. Chống Mỹ, chống Thiệu - Kỳ, chống giáo gian Tâm Châu, Tâm Giác cũng rõ hơn” (31). Nhờ đó, mặc dù có sự phân hóa trong nội bộ nghiêm trọng, nhưng phái Ấn Quang vẫn có nhiều hoạt động đấu tranh cho đạo pháp và dân tộc, và ngày càng được nâng lên cả về nội dung và hình thức. Đặc biệt là từ tháng 5-1970, phái Ấn Quang “đã có những bước phát triển mới, chống phe giáo gian quyết liệt hơn, chống Mỹ ngày càng nét hơn, đòi quân đội ngoại bang rút khỏi miền Nam, đòi hòa bình và quyền tự quyết... mức độ hỗ trợ cho các phong trào học sinh, sinh viên, báo chí, thương phế binh tích cực hơn, sự liên hiệp với các tôn giáo, phe nhóm chính trị đối lập ngày càng vận động 1 hội nghị Diên Hồng nhằm giải quyết những vấn đề lớn của dân tộc được xúc tiến mạnh hơn” (32). Từ năm 1972, nhóm Thích Thiện Hoa được tăng cường, với sự tham gia của một số Hòa thượng có uy tín lớn như: Thích Tịnh Khiết, Thích Pháp Lan, Thích Trí Thủ, Thích Pháp Tri, vẫn giữ vị trí đại diện của phái Ấn Quang, ngày càng có uy tín trong giới lãnh đạo Phật giáo ở các địa phương, có liên hệ chặt chẽ với nhóm trí thức trẻ miền Nam và có xu hướng tiến bộ, chủ trương không thừa nhận chế độ Nguyễn Văn Thiệu (33).

Khuynh hướng lưỡng chiều, không rõ thái độ chính trị, tiêu biểu là các Hòa thượng Thích Trí Tịnh (thiên về nghiên cứu Phật học, nặng về đạo pháp), Thích Trí Thủ, Thích Pháp Tri, Thích Minh Phong. Hòa thượng Thích Pháp Tri khi lên khi xuống hợp hội với các lực lượng của Phan

Bá Cầm, Trần Văn Đôn, Nguyễn Văn Bông - Nguyễn Ngọc Huy... và tìm cách dựa vào các hội đoàn Phật giáo. Đến năm 1972, các Hòa thượng Thích Pháp Tri, Thích Trí Thủ đã tỏ khuynh hướng dân tộc (34).

Khuynh hướng thân Mỹ, có nhiều nhóm thuộc khuynh hướng này, có nhóm thì bề ngoài đấu tranh vì đạo pháp và dân tộc, nhưng bên trong thì thân với Mỹ và chính quyền Sài Gòn và luôn tìm cách kiềm chế phong trào đấu tranh của Phật giáo, có nhóm thì lộ rõ thái độ thỏa hiệp với Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Theo tài liệu của M22-V102 Trung ương Cục miền Nam năm 1972, thì có hai nhóm thuộc khuynh hướng thân Mỹ, đó là: 1) Nhóm Thích Trí Quang (Thích Quảng Liên, Thích Thiện Hòa, Thích Mãn Giác, Thích Thiện Bửu) “do Mỹ giật dây tuy bề ngoài ra về chống Mỹ”; 2) Nhóm Thích Thiện Minh (Thích Huyền Quang, Thích Quảng Long, Thích Nhật Thường, Thích Đức Nhuận) “thỏa hiệp với Thiệu. Liên kết với tay sai CIA như T. Giác Đức, T. Quảng Liên, T. Hộ Giác, T. Mãn Giác... đã tìm cách ngăn cản Phật tử đấu tranh chống Thiệu trong bầu cử, phá hoại Đoàn sinh viên Phật tử Sài Gòn (đóng cửa trụ sở), lừa gạt đồng bào miền Trung di cư vào Nam” (35).

Phải nói rằng, trong cuộc đấu tranh bảo vệ đạo pháp và dân tộc, các tăng sĩ phái Ấn Quang đã có những cách thức khác nhau trong việc lựa chọn các con đường giữa hợp tác hay không hợp tác, giữa chung sống hay không chung sống với “Quốc gia”, giữa chấp nhận sự can thiệp Mỹ hay đấu tranh chống Mỹ can thiệp trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Vì vậy, các tăng sĩ yêu nước đã có nhiều cách thức hoằng dương Phật pháp và “nhập thế”, đồng hành cùng dân tộc một cách khác nhau. Do đó chắc hẳn có một số tăng sĩ yêu nước dẫn dắt quần chúng Phật tử chưa đi đúng hướng hoàn toàn với

nguyện vọng dân tộc, thậm chí có những sai lầm khuyết điểm và có những khuyết điểm tương đối nghiêm trọng. Đúng trên phương diện đạo pháp và dân tộc, các tăng sĩ yêu nước sẽ tự điều chỉnh các cách thức hoằng dương Phật pháp và “nhập thế” đồng hành cùng dân tộc sao cho phù hợp với nguyện vọng của tín đồ Phật tử và quần chúng nhân dân, và nếu không, họ sẽ tự khắc bị đào thải ra khỏi phong trào đấu tranh bảo vệ đạo pháp và dân tộc (trường hợp của phái Việt Nam Quốc tự). Khi đã bị loại ra khỏi phong trào đấu tranh của Phật giáo và dân tộc, thì những nhóm đó đã không còn là lực lượng yêu nước, hoặc là tay sai, gián điệp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn cài cắm.

2.2. Thống nhất tổ chức từ năm 1975 đến năm 1981

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đất nước độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Sau tháng 4-1975, nhiều tay sai, gián điệp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đội lốt tăng sĩ là đại diện và chi phối phái Việt Nam Quốc tự, đã rời khỏi đất nước, chạy ra nước ngoài, chấm dứt sự tồn tại của phái Việt Nam Quốc tự. Do đó, Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định đã trưng thu khu đất của Việt Nam Quốc tự, nhằm kiểm soát và trấn áp các phần tử phản động, thiết lập trật tự trị an. Các tăng ni, Phật tử thuộc phái Việt Nam Quốc tự (cũ) đã trở về thuộc sự quản lý của GHPGVNTN phái Ấn Quang. Vì vậy, sau khi chính quyền Sài Gòn bị lật đổ, GHPGVNTN chỉ còn tồn tại một phái duy nhất là phái Ấn Quang.

Trong phái Ấn Quang, sau tháng 4-1975, những tăng sĩ Phật giáo chủ chốt có tư tưởng cấp tiến, có khuynh hướng dân tộc giữ vai trò quan trọng trong tổ chức như:

Hòa thượng Thích Giác Nhiên làm Đề nghị Tăng thống (1973 - 1979), Thích Trí Thủ làm Viện trưởng Viện Hóa đạo (1974 - 1981), Hòa thượng Thích Đôn Hậu được Hội đồng Lương viện giao nhiệm vụ quản lý Viện Tăng thống (1979 - 1981). Còn các Hòa thượng có khuynh hướng khác, bất đồng chính kiến hoặc chống phá cách mạng được Trung ương Cục miền Nam xác định trong tài liệu năm 1972, thì chính quyền cách mạng thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo, đồng thời cũng thể hiện sự kiên quyết với các tăng ni, Phật tử phản động, lôi kéo quần chúng bạo động, chống phá cách mạng, “phá hoại khối đoàn kết và thống nhất dân tộc, phá hoại trật tự an ninh; chống chính quyền cách mạng” (36).

Như vậy, từ sau năm 1975, GHPGVNTN không chỉ thống nhất về mặt tổ chức (phái Ấn Quang), mà còn thống nhất về mặt khuynh hướng hoằng dương Phật pháp và “nhập thế” (khuynh hướng dân tộc, cấp tiến), đều hướng đến hoằng pháp, lợi sinh và chung sống hòa bình, tuân thủ pháp luật của chính quyền Nhà nước Việt Nam.

Năm 1981, GHPGVNTN cùng các tổ chức, hệ phái khác thống nhất thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sau đó, GHPGVNTN đã giải tán và chấm dứt hoạt động. Tuy nhiên, có một số các tăng ni, Phật tử bất đồng chính kiến, hoặc là tay sai, gián điệp của các thế lực thù địch đã đứng lên đấu tranh đòi khôi phục GHPGVNTN, tuy nhiên điều này lại trái với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân và làm phương hại đến khối đoàn kết dân tộc.

3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đóng vai trò quan trọng trong cuộc vận động thống nhất Phật giáo ở Việt Nam sau năm 1975

Sau tháng 4-1975, đất nước Việt Nam được hòa bình, độc lập và thống nhất là cơ hội để các tổ chức, hệ phái Phật giáo trên cả nước Việt Nam đoàn kết Phật giáo trên tinh thần “Lục hòa cộng trụ”, vì tương lai Phật giáo Việt Nam ổn định, phát triển bền vững, góp phần tái thiết và xây dựng đất nước và gắn đạo pháp với dân tộc trong hoàn cảnh mới. Đúng như Hòa thượng Thích Đức Nghiệp (Phó Pháp chủ Thường trực Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam) đã nhận xét: “Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước Việt Nam đã có hòa bình, chủ quyền độc lập và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, Bắc - Trung - Nam thu về một mối. Vĩnh viễn nhân dân Việt Nam không còn bị nô lệ dưới quyền cai trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên bầu trời nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là một vận hội mới cho Phật giáo Việt Nam có đủ điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất, hòa hợp, đoàn kết tất cả các Tăng ni, cư sĩ Phật tử, Nam tông, Bắc tông trên toàn quốc, thành một khối duy nhất, dưới một mái nhà chung mà lâu nay Phật giáo từng mong ước” (37). Vì thế mà sau khi miền Nam giải phóng, cuộc vận động thống nhất Phật giáo ở Việt Nam xuất hiện và phát triển. Các tăng ni, Phật tử lần lượt thành lập Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh và các quận huyện của Thành phố, nhằm đoàn kết các tổ chức, hệ phái nhằm xúc tiến cuộc vận động thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất ở Việt Nam. Nhiều tăng sĩ của GHPGVNTN tham gia Ban Liên lạc Phật giáo, như: Thích Phước Quang, Thích Pháp Lan, Thích Đạt Hảo, Thích Thanh Kiêm, Thích Tác Thành... Sự thành lập các Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh như một bước

đệm cho cuộc vận động thành lập giáo hội Phật giáo thống nhất về sau.

Sau khi ra đời, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh, với nỗ lực và tâm huyết cho sự phát triển bền vững của đạo pháp và hướng đến lợi lạc quần sinh, đã từng bước xây dựng được mối quan hệ và tạo ra được những cảm tình, sự cảm thông sâu sắc giữa các tầng ni, cư sĩ lãnh đạo các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam, trong đó có Hòa thượng Thích Trí Thủ là Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN. Tại Đại hội kỳ VII của GHPGVNTN (1977), Hòa thượng Thích Trí Thủ đã đưa ra thông bạch nhấn mạnh: “Đại hội cần ủy cho Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần đạo pháp và truyền thống dân tộc” (38). Nhờ đó, GHPGVNTN đã thống nhất tham gia vào cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, và với tư cách là một tổ chức Phật giáo lớn ở miền Nam Việt Nam, có uy tín lớn đối với giới tăng ni, Phật tử miền Nam, nên đã có những đóng góp tích cực và chủ động trong việc kết nối với các tổ chức hệ phái ở miền Nam, giữa miền Nam với miền Bắc, xúc tiến và tạo ra được điểm thống nhất của các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam là vì phát triển bền vững của Phật giáo và truyền thống dân tộc. Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN là Hòa thượng Thích Trí Thủ là một trong ba “vị Hòa thượng giáo phẩm tôn túc đầu tiên trong số các Hòa thượng đại diện các hệ phái đặt nền móng cho công cuộc thống nhất Phật giáo cả nước” (39).

Những kết nối điểm chung của Ban Liên lạc Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh với các tổ chức, hệ phái đã đủ “độ chín” dẫn đến một cuộc họp mặt lịch sử các tầng ni, cư sĩ lãnh đạo các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 2-1980. Trong cuộc họp mặt lịch

sử này, GHPGVNTN có nhiều Hòa thượng tham gia, như: Thích Đôn Hậu (Chánh Thư ký Viện Tăng thống), Thích Trí Thủ (Viện trưởng Viện Hóa đạo), Thích Giác Tấnh, Thích Trí Nghiêm (Thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương Giáo hội), Thích Trí Tịnh (Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo) (40). Hai Hòa thượng đứng đầu GHPGVNTN là Thích Trí Thủ và Thích Đôn Hậu - đã tập trung nhấn mạnh đến sự cần thiết thống nhất Phật giáo Việt Nam và những nguyên tắc cơ bản trong quá trình vận động thống nhất Phật giáo (41). Điều đó đã góp phần đưa cuộc họp mặt đi đến quyết định thành lập “Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam” nhằm nghiên cứu và thực hiện cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Thành viên của Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam gồm các đại diện của các tăng ni, Phật tử và các nhân sĩ cấp tiến thuộc các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong quốc và luôn tiếp tục bổ sung, do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban.

Từ đầu năm 1981, Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam lần lượt tiếp xúc và vận động các tổ chức, hệ phái Phật giáo, và đã nhận được sự nhất trí tuyệt đối về việc thống nhất Phật giáo. Đến tháng 11-1981, cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đã “chín muồi”, đại biểu các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam (42) đã tổ chức Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), và đi đến thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam thành một giáo hội thống nhất lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đại hội đã thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Theo đó, cơ quan Trung ương của Giáo hội gồm có Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự cùng với 10 Ban, Viện. Hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến tỉnh thành, quận huyện và cơ sở,

theo định hướng “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội”, với mục đích là: Hoằng dương chính pháp, lợi lạc nhân sinh và đồng hành cùng dân tộc (43). Từ đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trở thành giáo hội Phật giáo hợp pháp duy nhất của Việt Nam, đại diện cho tất cả các sơn môn, hệ phái Phật giáo, thể hiện tiếng nói của tăng ni, Phật tử trên toàn quốc và được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công nhận về mặt pháp lý và thực tế.

Như vậy, GHPGVNTN dưới sự dẫn dắt của Viện trưởng Viện Hóa đạo là Hòa thượng Thích Trí Thủ đã có vai trò quan trọng trong cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam sau năm 1975. GHPGVNTN là một trong chín tổ chức, hệ phái hợp thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981. Có lẽ thực tiễn phân hóa tổ chức GHPGVNTN đã soi sáng và để lại những kinh nghiệm lịch sử quý báu trong việc thống nhất Phật giáo, nên cuộc vận động thống nhất Phật giáo sau năm 1975 có những bước đi phù hợp, từ Ban Liên lạc Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, rồi Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam để đi đến Đại hội thống nhất Phật giáo nước nhà. Nhờ đó mà ý thức thống nhất Phật giáo của các tổ chức, hệ phái Phật giáo đã đến mức độ “chín muồi” và đưa đến sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có sự thống nhất cao.

Nếu GHPGVNTN ra đời là sản phẩm đoàn kết Phật giáo nhằm bảo vệ đạo Phật trước sự đàn áp, chèn ép của chính quyền Sài Gòn, chưa đủ “độ chín” về ý chí thống nhất Phật giáo, thì sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam là sản phẩm của quá trình xây dựng mối quan hệ, tiếp xúc và vận động thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam hướng đến điểm chung vì sự phát triển bền vững của Phật giáo và truyền thống dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời

với một hiến chương “nhất thống”, thì các tổ chức, hệ phái Phật giáo đã đặt cái chung lên trên hết, và giải tán các tổ chức, hệ phái về mặt hành chính. Điều đó đã tạo ra sự khác biệt về mặt tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với GHPGVNTN.

4. Kết luận

GHPGVNTN ra đời vào đầu năm 1964, trong thời gian tồn tại của chính quyền Dương Văn Minh, là kết quả của quá trình đấu tranh bảo vệ đạo pháp của giới tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam trước sự đàn áp, chèn ép của chính quyền Ngô Đình Diệm. Do sự ra đời của GHPGVNTN không phải là sản phẩm chín muồi của ý thức thống nhất Phật giáo, mà là đấu tranh bảo vệ đạo pháp, nên sau khi được chính quyền Sài Gòn nhượng bộ một số quyền lợi nhất định, đã dẫn đến sự rạn nứt, phân hóa trong nội bộ tổ chức. Cũng do đó mà GHPGVNTN hoạt động với một hiến chương hướng đến lợi ích chung cho toàn bộ tăng ni, Phật tử miền Nam, trong một phần nào đó, đã phương hại đến lợi ích riêng của tổ chức, hệ phái thành viên, ý thức thống nhất Phật giáo không đủ “độ chín” để hài hòa giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, do đó đã dẫn đến sự phân ly của một số tổ chức, hệ phái Phật giáo ngay sau khi GHPGVNTN được ra đời.

GHPGVNTN là một tổ chức tôn giáo và chính trị, sinh hoạt công khai dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa. Vì vậy, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn cũng như lực lượng cách mạng cũng mong muốn và tìm cách cài cắm lực lượng của mình vào tổ chức này, để thực hiện mục tiêu chính trị của mình. Do đó, nội bộ tổ chức của GHPGVNTN bị chia rẽ nghiêm trọng, giữa cách thức lựa chọn: hợp tác hay không hợp tác với cách mạng, chung sống hay không chung sống với “Quốc gia”, chấp nhận hay

không chấp nhận sự can thiệp của Mỹ, dựa trên những tình cảm và lý trí khác nhau trong việc nhận định tình hình thời cuộc, trong cuộc đấu tranh bảo vệ đạo pháp và vì dân tộc. Vì thế, GHPGVNTN từng bước bị phân hóa, chia rẽ và phân hóa thành phái Việt Nam Quốc tự và phái Ấn Quang. Trong đó, phái Việt Nam Quốc tự chủ trương đấu tranh ôn hòa, có thái độ thân chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ, rời xa xu thế chung của dân tộc và tự bị đào thải ra khỏi phong trào đấu tranh bảo vệ đạo pháp, vì hòa bình và dân chủ cho nhân dân. Phái Ấn Quang là phần còn lại của GHPGVNTN sau những đợt chia rẽ và ly khai tổ chức, và cũng chứa đựng nhiều khuynh hướng, phe nhóm khác nhau, nhưng từ đầu những năm 1970, thì nhóm có khuynh hướng dân tộc, cấp tiến ngày càng chiếm vai trò chủ đạo và trở thành đại diện cho phong trào đấu tranh yêu nước của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.

Sau tháng 4-1975, do trở thành công cụ tay sai của chính quyền Sài Gòn nên khi chính quyền Sài Gòn sụp đổ, phái Việt Nam Quốc tự cũng chấm dứt hoạt động. Trong phái Ấn Quang, các Hòa thượng bất đồng chính kiến có những hoạt động chống phá cách mạng và khối đoàn kết dân tộc, nên nhóm có khuynh hướng dân tộc, cấp tiến trong phái không những là thành phần chủ đạo, mà đã trở thành thành phần bao trùm của phái. Vì vậy, sau tháng 4-1975, GHPGVNTN lần đầu tiên thống nhất cả về mặt tổ chức (phái Ấn Quang) và về mặt khuynh hướng hoàng dương đạo pháp và “nhập thế”. GHPGVNTN được tiếp tục hoạt động tôn giáo dưới sự quản lý chính quyền cách mạng.

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất và cùng đi lên

chủ nghĩa xã hội. Đây là điều kiện để các tổ chức, hệ phái Phật giáo trên cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, với tinh thần “Lục hòa cộng trụ”, với lợi ích chung của đạo pháp và dân tộc. Là một tổ chức uy tín và có ảnh hưởng lớn ở miền Nam, nên GHPGVNTN dưới sự dẫn dắt của Hòa thượng Thích Giác Nhiên, Thích Đôn Hậu và nhất là Hòa thượng Thích Trí Thủ đã tham gia và có những đóng góp tích cực và chủ động cho cuộc vận động thống

nhất Phật giáo ở Việt Nam trong những năm 1976-1981. Đến tháng 11-1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, mà GHPGVNTN là một trong chín tổ chức, hệ phái hợp thành.

Sau khi cùng với 8 tổ chức, hệ phái khác hợp thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thì GHPGVNTN đã giải thể, chấm dứt hoạt động. Vì thế, từ tháng 11-1981, GHPGVNTN không còn tồn tại về mặt pháp lý và trên thực tế.

CHÚ THÍCH

(1). Tổng hội Phật giáo Việt Nam ra đời vào tháng 5-1951, với sự tham gia của 6 tổ chức Phật giáo Bắc Tông (Phật giáo Tăng già Bắc Việt, Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt), Giáo hội Tăng già Trung Việt, Việt Nam Phật học (Trung Việt), Giáo hội Tăng già Nam Việt và Hội Phật học Nam Việt), do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ. Xem Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.120.

(2), (3), (4), (5), (8), (20), (24), (27). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.131, 132, 144, 145, 147, 168-173, 207-208, 209.

(6). Trần Tam Tỉnh, *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr.139.

(7). Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo Việt Nam có các thành viên chính là: Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng già Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nam Việt, Hội Phật học Nam Việt, Giáo hội Tăng già Trung Phần, Hội Phật học Trung Phần, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Phật giáo Bắc Việt, Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy, Hội Phật giáo Nguyên Thủy, Giáo hội Tăng già Theravada, Hội Phật tử Theravada, Giáo hội Thiền tịnh Đạo tràng. Ngoài ra, còn có một số đoàn thể Phật giáo khác tham gia như Hội Quan Âm Phổ Tế, Hội Phật giáo người Việt gốc Hoa, Giáo hội Tăng già

Khất sĩ, Hội Phật tử Việt Nam, Hội Linh sơn Phật học, Giáo hội Lục hòa tăng, Hội Tịnh độ tông, Hội Phật tử hải ngoại... Xem Bùi Chí Huấn, *Phật giáo và các vấn đề hiến chương*, Luận văn tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chính, lưu tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, số tài liệu LVHC 349, 1971, tr.26-17.

(9), (10). Jerrold Schecter, *The New Face of Buddha: Buddhism and Political Power in Southeast Asia*, Coward-McCann, Inc., New York, 1967, pp.169, 167.

(11). Jerrold Schecter, *The New Face of Buddha: Buddhism and Political Power in Southeast Asia*, *Ibid*, 1967, pp.181; Trần Bạch Đằng (Chủ biên), *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.682.

(12). Michael Maclear, *The ten thousand day war: Vietnam, 1945-1975*. St. Martin's Press, New York, 1981, pp.64.

(13). Trần Bạch Đằng (Chủ biên), *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)*, *sđd*, tr.1055; Sophie Quinn-Judge (2017), *The Third Force in the Vietnam War: The Elusive Search for Peace 1954-1975*, *Ibid.*, pp.56-57.

(14). Giáo hội Tăng già Nguyên thủy, Giáo hội Tăng già Trung Phần, Giáo hội Thiền tịnh Đạo tràng, Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Giáo hội Tăng sĩ Theravada, Hội Phật giáo Nguyên thủy, Hội Phật học Nam Việt, Giáo phái Theravada, Hội Phật giáo Việt Nam

Trung phần và Hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt). Xem Bùi Chí Huấn, *Phật giáo và các vấn đề hiến chương*, tldd, tr.38-39.

(15), (22), (23), (26). Bùi Chí Huấn, *Phật giáo và các vấn đề hiến chương*, tldd, tr.85, 86, 35-36, 35-36.

(16), (17). Thích Tâm Châu, *Bạch thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc tự*, Tổ đình Từ Quang, Ontario East, Canada, 1993, tr.25.

(18). Thích Đồng Bổn, *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, tập I, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.349.

(19). Trần Bạch Đằng (Chủ biên), *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)*, sdd, tr.262.

(21). Hồ Hữu Nhựt, *Phong trào đấu tranh chống Mỹ của giáo chức, học sinh, sinh viên Sài Gòn*, sdd, tr.88-89.

(25). Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Giáo hội Phật giáo Theravada, Hội Cư sĩ giáo phái Theravada, Hội Việt Nam Phật giáo. Xem Bùi Chí Huấn, *Phật giáo và các vấn đề hiến chương*, tldd, tr.39.

(28). Thích Tâm Châu, *Bạch thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc tự*, tldd, tr.32-33.

(29). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn Tp. Hồ Chí Minh*, sdd, tr.221.

(30). *Hồ sơ tài liệu nghiên cứu về tình hình quân sự, chính trị của Mỹ-Ngụy năm 1970-1971*, Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Phòng Ban Kinh tế Kế hoạch miền Nam, hồ sơ số 159, tr.88.

(31), (33). *Hồ sơ tài liệu nghiên cứu về tình hình quân sự, chính trị của Mỹ-Ngụy năm 1970-1971*, tldd, tr.88, 87.

(33). *Hồ sơ tài liệu nghiên cứu về tình hình quân sự, chính trị của Mỹ-Ngụy năm 1970-1971*, Tldd, tr.88; *Hồ sơ về tình hình an ninh, quân sự năm 1972*, Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Phòng Ban Kinh tế Kế hoạch miền Nam, hồ sơ số 161, tr.42.

(34), (36). *Hồ sơ về tình hình an ninh, quân sự năm 1972*, tldd, tr.42.

(36). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*, sdd, tr.233; Thích Đồng Bổn (Chủ biên), *Tiểu sử danh tăng*, tập III, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015, tr.747.

(37). Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý, Thích Nhật Từ (Đồng Chủ biên), *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr.13.

(38). Thích Đồng Bổn (1995), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, tập I, sdd, tr.242.

(39). Thích Huệ Thông, “Kỳ 2: Sự ra đời của Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP. HCM”, Tạp chí Văn hóa Phật giáo [<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8440>]. Truy cập ngày 1-8-2021.

(40). Thích Huệ Thông, “Kỳ 3: Sự ra đời của Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam”, Tạp chí Văn hóa Phật giáo [<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/8689>]. Truy cập ngày 1-8-2021.

(41). Hòa thượng Thích Trí Thủ khẳng định: “Hôm nay nước nhà đã độc lập thống nhất, Phật giáo không có lý do gì lại duy trì sự phân hóa về mặt tổ chức và sự chia cắt Bắc Nam”. Hòa thượng Thích Đôn Hậu phát biểu: “Thực hiện đại đoàn kết là việc cần thiết đối với Phật giáo cũng như đối với dân tộc. Nguyên vọng của tôi trước sau như một là cần thực hiện thống nhất Phật giáo”. Xem: Hoàng Hạ (Tổng hợp), “Tiến trình vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam”, *Giác ngộ Online* [<https://giacngo.vn/tien-trinh-van-dong-thong-nhat-phat-giao-viet-nam-post36463.html>]. Truy cập ngày 1-8-2021.

(42). Các tổ chức, hệ phái Phật giáo đó là: 1) Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, 2) Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, 3) Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, 4) Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, 5) Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh, 6) Giáo hội Thiên thai giáo Quán Tông, 7) Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, 8) Hội đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ, và 9) Hội Phật học Nam Việt. Xem: Thích Huệ Thông, “Kỳ 5: Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam”, Tạp chí Văn hóa Phật giáo

[<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/9378>].

Truy cập ngày 28-6-2021.

(43). Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý, Thích Nhật Từ (Đồng Chủ biên), *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*, sdd, tr.13.